# Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với nền kinh tế Việt Nam

TS. Vũ Đình Khoa
Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) được coi là nguồn vốn ngoại lực rất quan trọng trong phát triển kinh tế đất nước trong thời gian qua. FDI không chỉ là nguồn vốn bổ sung quan trọng trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, mà còn góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đổi mới công nghệ, tăng năng lực sản xuất trong nước. Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực của FDI đối với nền kinh tế Việt Nam trong suốt 28 năm qua vẫn còn một số vấn đề như mức độ đóng góp của FDI đối với GDP chưa tương xứng với nguồn vốn đầu tư. Tuy nhiên, sự đóng góp này vẫn chưa tương xứng với tiềm năng. Và tính cho tới nay, không nhiều tác giả bàn về vấn đề này. Xuất phát từ vấn đề thực tiễn nêu trên, tác giả lựa chọn nghiên cứu tác động nguồn vốn FDI tới nền kinh tế Việt Nam dưới cả hai góc độ. Trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp nhằm tận dụng những tác động tích cực và hạn chế những tác động tiêu cực của nguồn vốn FDI tới nền kinh tế, thúc đẩy hiệu quả của nguồn vốn FDI, phát triển kinh tế đất nước.

## 1. Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam

i) FDI là nguồn vốn bổ sung quan trọng cho vốn đầu tư phát triển, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Tính đến thời điểm 31/12/2015, tổng số vốn FDI đăng ký đạt 281,7 tỷ USD, trong đó, số vốn FDI đã được giải ngân đạt 137,5 tỷ USD. Chỉ tính 11 tháng đầu năm 2015, các nhà đầu tư nước ngoài đã bổ sung trực tiếp vào Việt Nam 20,22 tỷ USD, tăng 16,7% so với cùng kỳ năm 2014. Hơn nữa, số vốn FDI được giải ngân trong thời gian này (xấp xỉ 14,2 tỷ USD) là được đánh giá là cao nhất sau gần 30 năm thực hiện.

Với số vốn đầu tư ngày một lớn, khu vực kinh tế FDI cũng đóng góp ngày càng lớn vào tổng thu ngân sách Nhà nước. Năm 2000, khu vực này mới chỉ đóng góp 5,22% tổng thu NSNN, đến năm 2014 đã tăng lên mức 14,18%, tương đương khoảng 120 nghìn tỷ đồng, tăng 0,64 điểm phần trăm so với năm 2013. Năm 2015 và đầu năm 2016, tại một số địa phương, đóng góp của các doanh nghiệp FDI chiếm trên 50% tổng thu ngân sách tỉnh, cụ thể như tỉnh Vĩnh Phúc, trong 3 tháng đầu năm 2016, các doanh nghiệp FDI đóng góp 79% tổng thu ngân sách

Với các phân tích trên đây, có thể thấy vai trò của nguồn vốn FDI ngày càng lớn trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Điều này cũng được khẳng định thông qua kết luận của của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong Báo cáo tổng kết 25 năm FDI. Theo báo cáo này, tỷ lệ đóng góp của FDI vào GDP đã tăng từ 2% GDP năm 1992 lên 12,7% năm 2000; 16,98% năm 2006; 18,97% năm 2011. Mức độ đóng góp của FDI đã đạt trên 20% trong tổng GDP năm 2015.

ii) FDI góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế

- FDI tác động tới cơ cấu ngành kinh tế: Trước năm 2000, FDI thường chỉ tập trung vào các ngành công nghiệp khai thác và thay thế nhập khẩu. Tuy nhiên, xu hướng này có sự thay đổi đáng kể trong giai đoạn hiện nay. FDI đã xuất hiện ở hầu hết các ngành (18 ngành trong tổng số 21 ngành của hệ thống kinh tế), trong đó, các ngành công nghiệp chế biến, chế tác và định hướng xuất khẩu thu hút được nhiều FDI nhất, tổng số vốn FDI đăng ký trong ngành này chiếm khoảng 54% tổng vốn đăng ký (Bảng 1). Ngành công nghiệp, xây dựng tập trung theo hướng sản xuất vật liệu mới, sản phẩm công nghệ cao, thiết bị cơ khí chính xác... là các ngành tạo ra lợi thế khi thu hút nguồn vốn FDI.

**Bảng 1: FDI theo lĩnh vực (tính đến tháng 11/2014)**

| Ngành | Số vốn đăng ký (triệu USD) | Số dự án |
|---|---|---|
| Công nghiệp chế biến, chế tạo | 138,578 | 9,407 |
| Kinh doanh bất động sản | 46,848 | 439 |
| Xây dựng | 11,349 | 1,140 |
| DV lưu trú và ăn uống | 11,086 | 362 |
| Điện, nước, điều hòa | 9,749 | 96 |
| Thông tin và truyền thông | 4,095 | 1,065 |
| Kinh doanh thương mại | 3,880 | 1,316 |
| Vận tải kho bãi | 3,711 | 431 |
| Nông, lâm nghiệp; thủy sản | 3,658 | 516 |
| Nghệ thuật và giải trí | 3,632 | 147 |
| Khai khoáng | 3,274 | 82 |
| Khoa học công nghệ | 1,773 | 1,665 |
| Y tế | 1,755 | 97 |
| Cấp nước; xử lý chất thải | 1,348 | 38 |
| Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm | 1,329 | 81 |
| Giáo dục và đào tạo | 807 | 200 |
| Dịch vụ khác | 751 | 136 |
| Hành chính và dịch vụ hỗ trợ | 211 | 129 |
| Tổng số | 247,832 | 17,347 |

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- FDI tác động tới cơ cấu vùng kinh tế: Trước năm 2000, FDI chỉ tập trung ở các đô thị lớn, vùng có cơ sở hạ tầng, điều kiện phát triển kinh tế thuận lợi như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Bình Dương. Trong những năm trở lại đây, các văn bản có liên quan đến chính sách thu hút FDI vào các vùng có điều kiện

khó khăn hơn đã tác động lớn đến chuyển dịch dòng vốn FDI. Cơ cấu FDI theo vùng đã thay đổi theo hướng tích cực hơn. Cơ cấu FDI theo vùng chuyển biến rõ rệt hơn, một số tỉnh bắt đầu thu hút được FDI như Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Long An, Đà Nẵng, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Phú Yên, Kiên Giang, Ninh Thuận. Sau gần 30 năm thực hiện, Việt Nam hiện nay không còn địa phương "trắng" FDI, tuy nhiên, FDI tập trung chủ yếu tại một số vùng trọng điểm như TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Hà Tĩnh, Hải Dương...

iii) FDI góp phần quan trọng trong chuyển giao công nghệ và năng lực quản lý

Tính đến 2015, Việt Nam có khoảng 1.000 dự án FDI về chuyển giao công nghệ, đã góp phần quan trọng trong đổi mới công nghệ và nâng cao năng lực sản xuất trong nước, đặc biệt là các ngành có yêu cầu công nghệ cao như bưu chính viễn thông, dầu khí, xây dựng… Hơn nữa, hầu hết doanh nghiệp FDI cũng đã tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng cao, với hình thức, mẫu mã đẹp, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài như các sản phẩm điện tử, cơ khí, chế tạo… Tác động của FDI không chỉ diễn ra trong nội bộ khu vực FDI, mà còn lan tỏa tới các doanh nghiệp trong nước, thúc đẩy các doanh nghiệp trong đổi mới công nghệ, đáp ứng yêu cầu của thị trường.

Bên cạnh với chuyển giao công nghệ là quá trình tiếp nhận kinh nghiệm quản lý tiên tiến trên thế giới, làm thay đổi tư duy quản lý, hoàn thiện hệ thống pháp luật. Đồng thời, FDI cũng đã góp phần đào tạo được đội ngũ lao động có trình độ cao, có khả năng sử dụng được các công nghệ hiện đại.

## 2. Những hạn chế của FDI vào nền kinh tế

Với những kết quả như vậy, có thể khẳng định vai trò quan trọng của FDI đối với nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn vừa qua. Tuy nhiên, có một vấn đề đặt ra là, mặc dù khu vực FDI đóng góp tới hơn 25% tổng vốn đầu tư trong nước, nhưng lại chỉ đóng góp 20% trong cơ cấu GDP. Điều này cho thấy mức đóng góp của FDI đối với tăng trưởng kinh tế thực sự chưa tương xứng. Nguyên nhân của vấn đề này có thể là do:

Chính phủ và các địa phương dành sự ưu đãi quá mức đối với các doanh nghiệp FDI. Trong thời gian qua, để thu hút FDI, Việt Nam đã áp dụng một số ưu đãi cho các nhà đầu tư nước ngoài là giảm thuế hoặc miễn thuế trong một thời gian khá dài cho phần lớn các dự án đầu tư nước ngoài. Những ưu đãi này dẫn tới tình trạng một số doanh nghiệp FDI lợi dụng ưu đãi về thuế quan, thành lập các doanh nghiệp mới để hưởng ưu đãi, hết thời hạn ưu đãi lại giải thể và thành lập doanh nghiệp mới; hay một số doanh nghiệp chuyển thu nhập từ dự án không hưởng ưu đãi sang dự án hưởng ưu đãi...

Rất nhiều doanh nghiệp FDI có hiện tượng chuyển giá, trốn tránh trách nhiệm với ngân sách Nhà nước, các doanh nghiệp FDI thực hiện tính giá nguyên vật liệu, hàng hóa, máy móc thiết bị... nhập khẩu cao hơn nhiều so với giá trị thực, hoặc bán hàng hóa, nguyên vật liệu cho các bên có quan hệ liên kết với giá thấp hơn nhiều so với giá bán thị trường. Các hoạt động chuyển giá này đã giúp các doanh nghiệp FDI không phải nộp khoản thuế lớn vào ngân sách Nhà nước.

Sự có mặt của FDI mặc dù đã có đóng góp quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế song vẫn chưa thực sự tương xứng với tiềm năng. Một số lượng lớn FDI đầu tư vào ngành công nghiệp, nhưng chất lượng chưa cao, mặc dù các doanh nghiệp FDI cũng đã tạo ra nhiều sản phẩm mới, xuất hiện ngành mới, nhưng giá trị gia tăng vẫn còn thấp. Chuyển dịch cơ cấu vùng kinh tế còn thiếu tính bền vững. Theo số liệu thống kê, các doanh nghiệp FDI thường tập trung ở những địa phương có kết cấu hạ tầng thuận lợi, như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Vũng Tàu, Hải Phòng, Hưng Yên, Bình Dương, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc... Các dự án và tổng vốn FDI ở các địa phương này chiếm gần 70% số dự án và tổng vốn đầu tư cả nước. Trong khi đó, các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa như Tây Bắc, Tây Nguyên... chỉ chiếm gần 10% tổng vốn đầu tư cả nước [4].

Hoạt động chuyển giao công nghệ trong các dự án FDI đã có đóng góp tích cực đối với đổi mới và chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất của các không chỉ các doanh nghiệp FDI mà còn có tác động lan tỏa tới các doanh nghiệp trong nước. Tuy nhiên, công nghệ được chuyển giao thông qua kênh FDI hầu hết mới chỉ nhỉnh hơn công nghệ sẵn có ở Việt Nam, và chưa đạt mức trung bình so với các nước trong khu vực. Nguyên nhân của vấn đề này là do những công nghệ được chuyển giao thường là công nghệ được đưa vào theo lợi ích của nhà đầu tư, không phải theo nhu cầu đổi mới công nghệ của Việt Nam.

## 3. Một số giải pháp

Trên cơ sở phân tích tác động của FDI tới nền kinh tế Việt Nam trong thời gian qua, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm tận dụng những tác động tích cực và hạn chế những tác động tiêu cực của nguồn vốn ngoại lực này.

### 3.1. Giải pháp tận dụng những tác động tích cực của FDI tới nền kinh tế Việt Nam

Một là, để hoạt động chuyển giao công nghệ được thực sự hiệu quả. Việt Nam cần hoàn thiện khuôn khổ pháp lý liên quan đến thị trường công nghệ, chú trọng đào tạo cán bộ trong lĩnh vực khoa học công nghệ, thường xuyên tổ chức các hội chợ công nghệ, phát triển các loại hình dịch vụ liên quan đến hoạt động chuyển giao công nghệ, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển giao công nghệ.

Hai là, cần cải thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật và phát triển nguồn nhân lực, năng lực công nghệ. Bởi nếu cơ sở hạ tầng kỹ thuật kém, trình độ công nghệ thấp khiến các doanh nghiệp trong nước khó có thể hợp tác, tham gia chuỗi giá trị của doanh nghiệp FDI. Đây không chỉ được coi là giải pháp thu hút FDI mà còn có tác dụng giúp nền kinh tế Việt Nam hấp thụ tốt hơn tác động của FDI.

Ba là, khuyến khích hình thành cụm ngành nhằm tạo liên kết sản xuất giữa các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước. Qua đó giúp các doanh nghiệp trong nước tham gia vào chuỗi giá trị của các doanh nghiệp FDI. Để sự liên kết được hiệu quả, cần thực hiện các biện pháp: Tổ chức các trung tâm cầu nối giữa các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI. Các trung tâm này sẽ là nơi cung cấp thông tin cho hoạt động của cả hai bên, là trung gian thực hiện đàm phán, ký kết hợp đồng liên quan đến quá trình cung ứng đầu vào và tiêu thụ sản phẩm đầu ra; Xây dựng các chương trình hợp tác dài hạn giữa các doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp FDI.

**3.2. Giải pháp hạn chế những tác động tiêu cực của FDI tới nền kinh tế Việt Nam**

Thứ nhất, Việt Nam cần thay đổi chính sách thu hút FDI. Chính sách này cần phải hướng các dự án FDI vào các ngành mũi nhọn và các ngành ưu tiên. Hạn chế khuyến khích dự án FDI vào các ngành có công nghệ thấp, sử dụng nhiều tài nguyên thiên nhiên và không thân thiện với môi trường như khai thác và chế biến khoáng sản, hóa chất, thép... Giải pháp này giúp Việt Nam chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế hợp lý và bền vững.

Thứ hai, để tạo sự công bằng, bình đẳng trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp FDI với các doanh nghiệp khác, tránh nguy cơ các doanh nghiệp FDI chèn ép các doanh nghiệp trong nước, Việt Nam cần hoàn thiện khuôn khổ pháp lý liên quan đến hoạt động của các doanh nghiệp FDI như hạn chế các ưu đãi, đặc biệt là ưu đãi về thuế đối với các doanh nghiệp này.

Thứ ba, cần hạn chế đến mức thấp nhất hoạt động chuyển giá trong các doanh nghiệp FDI, bởi lẽ, chuyển giá trong thời gian qua không những làm thất thu lớn cho ngân sách Nhà nước, mà còn tạo môi trường cạnh tranh không lành mạnh trong nền kinh tế. Việt Nam cần thực hiện các biện pháp sau đây: (i) xây dựng các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động chuyển giá; (ii) Đẩy mạnh hơn nữa công tác thanh tra giá chuyển nhượng tại các địa phương tập trung nhiều dự án FDI; (iii) Xây dựng chế tài xử phạt các vi phạm về chuyển giá tại các doanh nghiệp FDI theo hướng tăng mức phạt và áp dụng nhiều hình thức phạt; (iv) Nghiên cứu phương pháp định giá giá trị của tài sản được chuyển giao và đưa và áp dụng đồng bộ tại tất cả các doanh nghiệp FDI; (v) Minh bạch hóa và liên thông hóa cơ sở dữ liệu có liên quan đến các doanh nghiệp FDI, biện pháp này giúp các cơ quan chức năng phối hợp đồng bộ trong kiểm soát hoạt động.

## 4. Kết luận

Nghiên cứu trên đây cho thấy, FDI có những tác động tích cực đối với nền kinh tế Việt Nam trong thời gian vừa qua. Nguồn vốn FDI là nguồn vốn bổ sung quan trọng cho vốn đầu tư phát triển. Hoạt động FDI góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và góp phần quan trọng trong chuyển giao công nghệ, năng lực quản lý. Trên cơ sở đó, tạo điều kiện thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, cải thiện chất lượng nguồn lao động, nâng cao trình độ khoa học công nghệ. Tuy nhiên, bên cạnh các tác động tích cực đó, FDI cũng có một số tác động tiêu cực như sự canh tranh không bình đẳng giữa các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI do các doanh nghiệp FDI được hưởng những ưu đãi lớn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là ưu đãi về thuế. Rất nhiều doanh nghiệp FDI thực hiện hoạt động chuyển giá, trong khi các nhà quản lý Việt Nam khó quản lý được hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các doanh nghiệp này, dẫn tới tình trạng thất thu ngân sách Nhà nước. Sự có mặt của FDI góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhưng sự chuyển dịch này không mang tính cân đối... Trên cơ sở nghiên cứu tác động mang tính hai mặt của FDI đối với nền kinh tế của Việt Nam, tác giả đề xuất một số giải pháp với mong muốn Việt Nam có thể tận dụng tốt những tác động tích cực và hạn chế tối đa những tác động tiêu cực của FDI./.

## Tài liệu tham khảo

1. Chính phủ, Nghị quyết 09/2001/NQ-CP, ngày 28 tháng 08 năm 2001, về tăng cường thu hút nâng cao hiệu quả đầu tư trực tiếp nước ngoài thời kỳ 2001-2005.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Báo cáo tổng 25 năm FDI, 2012

3. IMF (1993), "IMF's fifth edition of the Balance of Payments Munual (BPM 5)", trang 86.

4. Nguyễn Thị Thu Hoài, Dương Văn An, Chuyển giá trong các doanh nghiệp FDI: Thực trạng và giải pháp, Tạp chí Tài chính kỳ 2, số tháng 12/2015.

5. OECD (2008), "The forth edition of the OECD Detailed Benchmark Definition of FDI", trang 47-49.

6. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật số 32/2013/QH13 sửa đổi một số điều của Luật Thuế TNDN được Quốc hội thông qua ngày 19/6/2013 (có hiệu lực từ 01/01/2014)